TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Khanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Liêu Tài Ngoánh**

2. Ông **Võ Tấn Phước**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Nguyễn**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Trần Trung Kiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh ngày 02/01/1985. Căn cước công dân số 094185007649 cấp ngày 09/8/2021. Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn H, sinh ngày 05/5/1977. Số định danh cá nhân: 095077005468. Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và năm 2007. Đến năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/6/2009. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông H thường xuyên cãi nhau; không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà xác định, bà và ông H có 02 con chung tên là Lý Quốc K, sinh

ngày 09/01/2008 và Lý Thị Kim X, sinh ngày 01/5/2013. Hiện cháu X và cháu K đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà tôn trọng nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông H có căn nhà cấp 4 và các tài sản trong nhà tọa lạc tại ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau. Khi ly hôn, bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà xác định, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến. Tại Biên bản xác minh ngày 11/12/2025, Trưởng ấp G, xã H xác định ông H có sinh sống thực tế tại địa phương.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H, cho bà L và ông H ly hôn; về con chung: Giao con chung tên Lý Thị Kim X, sinh ngày 01/5/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Bà L xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lý Văn H lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà L khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn ông H nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông H hiện đang cư trú tại ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện sống chung như vợ chồng, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/6/2009 nên hôn nhân của bà L và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà L xác định, bà L và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H và bà L thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Tại Biên bản xác minh ngày 11/12/2025, Trưởng ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau xác định bà L và ông H không còn chung sống khoảng 01 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Bà L xác định, bà L và ông H đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa bà L và ông H đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà L xác định, bà L và ông H có 02 con chung tên là Lý Quốc K, sinh ngày 09/01/2008 và Lý Thị Kim X, sinh ngày 01/5/2013. Đối với cháu K đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Cháu X có nguyện vọng sống cùng bà L. Xét thấy, cháu X hiện đang sống ổn định với bà L nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu X cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[8] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L. Cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Lý Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Thị Kim X, sinh ngày 01/5/2013 cho bà Phạm Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu X đang sống cùng với bà L. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Bà Phạm Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị L xác định, tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002526 ngày 20102025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên chuyển thu án phí.

6. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khanh